

Số: 3379 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin
trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng 86/2016/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 19/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 26/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Tây Ninh đến năm 2020;

Căn cứ kết quả thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 3375/BTTTT – THH và xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 74/TTr-STTTT ngày 21 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận : *đang*

- Như Điều 3;
- Bộ TTTT;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu VT, VPUBND tỉnh..xv

15

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động
cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3379/QĐ-UBND ngày 30/12/2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. Căn cứ lập kế hoạch

Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005;

Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/6/2006;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;

Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ ban hành nghị quyết về Chính phủ điện tử;

Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020;

Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử;

Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông” tại tỉnh Tây Ninh;

Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 26/02/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin đến năm 2020.

Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính quyền điện tử tại tỉnh Tây Ninh;

Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 29/5/2016 của UBND tỉnh về việc Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 45-CTr/TU của Tỉnh ủy Tây Ninh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

II. Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2011 - 2015

1. Môi trường pháp lý

Hàng năm, UBND tỉnh đều thực hiện kiện toàn Ban chỉ đạo về ứng dụng CNTT của tỉnh và ban hành Kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng đã rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo điều hành về lĩnh vực ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh. Trong giai đoạn 2011 – 2015, Tây Ninh ban hành 08 văn quy phạm pháp luật và 36 văn bản chỉ đạo điều hành về việc ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh (*chi tiết tại Phụ lục 1*). Các văn bản này đã quy định cụ thể những nguyên tắc chung, quy trình sử dụng, vận hành các hệ thống thông tin triển khai trên địa bàn tỉnh (liên thông văn bản trên hệ thống phần mềm văn phòng điện tử; một cửa điện tử, chữ ký số, Hỏi đáp trực tuyến...) yêu cầu bắt buộc áp dụng trong quá trình xử lý, sử dụng thông tin tại các cơ quan nhà nước trong tỉnh nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh về ứng dụng CNTT đã tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên một số đơn vị chưa triển khai quyết liệt nên tỷ lệ văn bản điện tử sử dụng tại đơn vị chưa cao.

2. Hạ tầng kỹ thuật

Trong thời gian qua, hạ tầng CNTT tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và cấp huyện đã được đầu tư trang bị tương đối đầy đủ từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ tỉnh và kinh phí hoạt động của các đơn vị. Tính đến 2016, ước tính 100% CBCC cơ quan nhà nước từ cấp huyện trở lên được trang bị máy tính để làm việc. Tuy nhiên, số lượng lớn máy tính trong các cơ quan nhà nước trang bị khá lâu, đang trong tình trạng thiếu ổn định, năng lực xử lý thấp; Hạ tầng bảo mật trong các cơ quan nhà nước còn yếu.

Tỷ lệ 100% cơ quan chuyên môn từ cấp huyện trở lên kết nối mạng diện rộng (WAN), mạng nội bộ (LAN) và Internet để phục vụ cho việc triển khai các hệ thống phần mềm tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh được nâng cấp, bổ sung thiết bị CNTT nhằm: tăng cường khả năng phục vụ triển khai các hệ thống phần mềm; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; đảm bảo băng thông truyền tải dữ liệu.

Ngoài hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được trang bị tại UBND tỉnh và các điểm cầu đặt tại 09/09 UBND huyện/thành phố, năm 2014 UBND tỉnh đã đầu tư hệ thống hội nghị truyền hình đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông nhằm đáp ứng nhu cầu tham gia các cuộc họp của các sở, ban, ngành tỉnh. Việc sử dụng hình thức họp trực tuyến thay cho hình thức họp tập trung trực tiếp giúp tiết kiệm chi phí, giảm thời gian đi lại, nâng cao chất lượng cuộc họp.

3. Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước

Hệ thống phần mềm văn phòng điện tử được triển khai 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 100% UBND huyện/thành phố; Đây là hệ thống phần mềm được triển khai dùng chung và được thực hiện kết nối liên thông văn bản điện tử cho 100% đơn vị sử dụng. Việc sử dụng hệ thống phần mềm văn phòng điện tử đã góp phần đạt được mục tiêu tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động cơ quan nhà nước của Thủ tướng Chính phủ, tạo lập được cơ sở dữ liệu điện tử để trao đổi và xử lý liên thông qua môi trường mạng phát huy hiệu quả công tác quản lý văn bản, điều hành nội bộ góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí in ấn tài liệu.

Hệ thống phần mềm họp không giấy kết hợp hệ thống nhắn tin SMS cho người dùng được triển khai 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 100% UBND huyện/thành phố. Đây là hệ thống phần mềm được dùng để thông báo và đăng tải tài liệu họp, giúp giảm giấy tờ, thời gian phát hành giấy mời và tài liệu cuộc họp nhằm góp phần quan trọng trong việc đổi mới phương thức hoạt động, lề lối làm việc theo hướng hiện đại, tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động cơ quan nhà nước. Tính đến tháng 11/2015 có 6.112 cuộc họp có kèm tài liệu họp được thông báo và cung cấp thông qua phần mềm.

Hộp thư điện tử Tây Ninh được cung cấp cho 100% CBCC trong tỉnh để thực hiện trao đổi công việc và tỷ lệ sử dụng đạt 60,7%. Tỷ lệ sử dụng thư điện tử Tây Ninh để trao đổi đạt tỷ lệ thấp do Tây Ninh đã thực hiện triển khai các hệ thống thông tin dùng chung khác như văn phòng điện tử, họp không giấy,... Qua đó, nâng cao tỷ lệ trao đổi văn bản, tài liệu chính thức giữa các cơ quan nhà nước trong tỉnh dưới dạng điện tử đạt 81,7%.

UBND tỉnh đã triển khai thực hiện ký số cho tối thiểu 07 loại văn bản được quy định (Công văn, Báo cáo, Kế hoạch, Văn bản gửi các cơ quan để biết,

đề phối hợp, Giấy mời, lịch công tác, văn bản sao gửi, giới thiệu con dấu, chữ ký) đã được triển khai tích hợp trên hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử với thao tác rất đơn giản. Bước đầu đã phát huy hiệu quả sử dụng trong thực tế, chứng thực văn bản trong hệ thống cơ quan nhà nước đồng thời gửi liên thông trên hệ thống văn phòng điện tử giúp tiết kiệm thời gian và chi phí.

Ngoài các hệ thống thông tin dùng chung được triển khai 100% cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh và 100% UBND huyện/thành phố, một số đơn vị đã ứng dụng phần mềm chuyên ngành góp phần thay đổi tác phong, lề lối làm việc, giảm văn bản giấy tờ hành chính, tiết kiệm thời gian xử lý văn bản, nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành như: hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu Dân cư của Công an tỉnh; hệ thống phần mềm quản lý hộ tịch của Sở Tư pháp; hệ thống phần mềm “Kiềng ba chân” triển khai tại Sở Tư pháp; Hệ thống quản lý dữ liệu tài nguyên môi trường triển khai tại Sở Tài nguyên và Môi trường,...

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Tây Ninh hiện có 01 cổng thông tin điện tử của tỉnh, 37 cổng/trang thông tin điện tử thành phần, đạt tỷ lệ 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 100% UBND huyện/thành phố có cổng/trang thông tin điện tử hoạt động ổn định. Các cổng thông tin điện tử thường xuyên được nâng cấp, cập nhật thông tin đáp ứng yêu cầu Nghị định số 43/2011/NĐ-CP về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử như: Thông tin giới thiệu; tin tức, sự kiện; các chỉ đạo và điều hành của lãnh đạo tỉnh; chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển; mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân; thông tin liên hệ; 100% thủ tục hành chính mức độ 2 trở lên; ...

Tây Ninh chú trọng xây dựng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 3 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân và doanh nghiệp, góp phần làm giảm áp lực công việc giấy tờ cho các cơ quan quản lý nhà nước, trong đó ưu tiên cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 3 trở lên cho các thủ tục có lượng hồ sơ nhiều và ít phức tạp như đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép xây dựng,.... Kết quả thống kê số lượng thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến là 1.713 thủ tục; trong đó, mức độ 2 là 1.533 thủ tục; mức độ 3 là 43 thủ tục; mức độ 4 là 137 thủ tục (*Chi tiết thủ tục hành chính cung cấp đạt mức độ 3, 4 tại Phụ lục 2*). Tuy nhiên, hiện nay các đơn vị đã được triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 vẫn chưa chú trọng việc tuyên truyền, quảng bá để người dân và doanh nghiệp biết và sử dụng hay có những cơ chế chính sách ưu tiên trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến nên số lượng giao dịch trực tuyến vẫn còn rất thấp.

Hệ thống một cửa điện tử đã triển khai tại 72% đơn vị cấp tỉnh, 100% UBND cấp huyện, 100% UBND cấp xã. Hệ thống phần mềm một cửa điện tử giúp nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, hạn chế tiêu cực từ cán bộ

công chức trong thực thi công vụ, hỗ trợ cán bộ thụ lý hồ sơ nâng cao năng suất, giảm khối lượng công việc thủ công đồng thời hỗ trợ việc tra cứu, tìm kiếm, in ấn, thống kê báo cáo. Thông qua hệ thống phần mềm, người dân có thể kiểm tra, theo dõi hồ sơ bằng nhiều hình thức tiện ích như tra cứu thông tin trên cổng/trang thông tin điện tử, tin nhắn SMS, ki-ốt tra cứu bằng thiết bị mã vạch và màn hình cảm ứng. Hiện nay, hệ thống đã tiếp nhận 20 loại hồ sơ khác nhau thuộc các lĩnh vực đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, tư pháp, xây dựng, đất đai,...

Hệ thống phần mềm quản lý hộ tịch triển khai ứng dụng tại 100% UBND huyện/thành phố, 100% UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh. Hệ thống phần mềm quản lý hộ tịch triển khai cho phép quản lý toàn bộ thông tin hồ sơ hộ tịch của từng công dân trên địa bàn; đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ quản lý hộ tịch theo quy định của nhà nước; Dữ liệu được liên thông xử lý từ cấp xã đến cấp huyện.

Hệ thống phần mềm giải quyết khiếu nại tố cáo (phần mềm tiếp dân) đã được triển khai sử dụng tại 03 cơ quan nhà nước cấp tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường), 100% UBND cấp huyện, 100% UBND cấp xã. Đây là hệ thống phần mềm được xây dựng theo mô hình liên thông tích hợp dữ liệu đơn thư từ cấp xã tới cấp tỉnh, hỗ trợ thông tin phục vụ công tác tiếp công dân.

Cổng thông tin điện tử “Hỏi đáp trực tuyến” được triển khai từ năm 2013, là một kênh thông tin, cầu nối để cho các cá nhân, tổ chức đặt câu hỏi, phản ánh thông tin khi gặp các vấn đề khó khăn, vướng mắc về chính sách, quy định hành chính, thủ tục hành chính và được cơ quan nhà nước giải đáp trực tiếp trên hệ thống này.

5. Nguồn nhân lực CNTT

Hiện nay, nhân lực CNTT tại các cơ quan nhà nước đang trong tình trạng thiếu, đa số nhân sự CNTT trong các cơ quan nhà nước là cán bộ văn phòng kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy công tác tham mưu triển khai và ứng dụng CNTT tại cơ quan, địa phương chưa sâu, chưa đáp ứng yêu cầu về quản trị và xử lý sự cố hệ thống thông tin triển khai tại đơn vị.

Hàng năm, UBND tỉnh tổ chức đào tạo, tập huấn các lớp kỹ năng ứng dụng CNTT và các lớp chuyên sâu nâng cao kỹ năng quản trị, vận hành các hệ thống CNTT nhằm hỗ trợ kỹ thuật cho CBCC ứng dụng các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh, phát triển nâng cao trình độ CNTT nhằm đáp ứng nhu cầu an toàn an ninh thông tin trong tình hình mới.

6. Kinh phí triển khai

Tây Ninh triển khai thực hiện các dự án ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 – 2015 (ước thực hiện đến hết 2015) với tổng kinh phí là

78.506.043.000 đồng (bảy mươi tám tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn đồng). Tất cả là nguồn kinh phí địa phương, trong đó bao gồm:

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 20.655.625.000 đồng
- Nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ: 57.850.423.000 đồng

(Chi tiết kinh phí thực hiện tại Phụ lục 3)

7. Đánh giá chung

Công tác chỉ đạo, điều hành phát triển ứng dụng CNTT tỉnh Tây Ninh được quan tâm chỉ đạo xuyên suốt. UBND tỉnh đã triển khai, quán triệt, chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX “về cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2015” trong đó hiện đại hóa nền hành chính nhà nước là một trong những mục tiêu quan trọng triển khai thực hiện. Hàng năm, UBND tỉnh triển khai kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước; Mặt khác, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, quyết định cá biệt nhằm đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh. Công tác triển khai, tuyên truyền, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm thực hiện các ứng dụng CNTT cũng được chỉ đạo duy trì thường xuyên; Nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan hành chính các cấp và cán bộ, công chức đối với việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT được nâng lên.

Mặc dù còn hạn chế hạ tầng thiết bị CNTT, phần lớn máy tính trong các cơ quan nhà nước đang trong tình trạng thiếu ổn định, năng lực xử lý thấp; Trình độ cán bộ chuyên trách CNTT còn hạn chế trong công tác tham mưu, phối hợp triển khai các chương trình, dự án CNTT của tỉnh. Tuy nhiên với sự chỉ đạo của UBND tỉnh cùng nỗ lực triển khai ứng dụng của các cơ quan nhà nước đã góp phần mang lại kết quả tích cực trong thực hiện ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính của tỉnh. Kết quả hoàn thành mục tiêu Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các mục tiêu Kế hoạch ứng dụng CNTT của UBND tỉnh ban hành hàng năm.

III. Mục tiêu ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử để đảm bảo sự đồng bộ triển khai với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia tương ứng do các Bộ, ngành chủ trì;
- Tin học hóa và đồng bộ các quy trình nghiệp vụ trong hoạt động cơ quan Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin tác nghiệp, quản lý, điều hành và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện/thành phố.

- Cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3 và 4 trên nhiều lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau; Giảm dần số lần người dân phải đến cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

- Thực hiện thành công các mục tiêu hàng năm trong Nghị quyết của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước

- 100% văn bản (trừ văn bản mật) trình UBND tỉnh dưới dạng điện tử.
- 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã dưới dạng điện tử được trao đổi trên môi trường mạng.
- 100% văn bản điện tử theo quy định được chứng thực chữ ký số khi trao đổi giữa các cơ quan nhà nước cấp tỉnh.

b. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Cung cấp đầy đủ thông tin trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- 30% hồ sơ thủ tục hành chính phổ biến, liên quan nhiều tới người dân, doanh nghiệp được cung cấp mức độ 4 (cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ và thực hiện thanh toán trực tuyến. Việc trả kết quả có thể thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng).

c. Phát triển hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia

- Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các cấp theo Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tại tỉnh, bảo đảm an toàn an ninh thông tin.

- Xây dựng hệ thống thông tin là đầu mối kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

IV. Nội dung kế hoạch

Triển khai thực hiện kế hoạch bảo đảm việc xây dựng, kết nối và khai thác

triệt để hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin đáp ứng nhu cầu, đồng thời có khả năng mở rộng kết nối, liên thông giữa các hệ thống thông tin các cấp trong tương lai, đảm bảo tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh. Quan tâm đẩy mạnh việc triển khai hạ tầng và phần mềm ứng dụng phục vụ cải cách hành chính cho cấp xã, đặc biệt các xã biên giới, xã đang xây dựng nông thôn mới, trong đó tập trung một số nội dung cơ bản như sau:

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Xây dựng Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh, định hướng lộ trình triển khai ứng dụng, phát triển CNTT và xây dựng hoàn chỉnh mô hình hệ thống Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

- Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng, tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng sẵn có để kết nối hệ thống mạng để liên thông cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã trong phạm vi toàn tỉnh đảm bảo cung cấp dịch vụ công hiệu quả, linh hoạt cho người dân và doanh nghiệp

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng CNTT tại các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đáp ứng nhu cầu sử dụng máy tính, Internet của CBCC trong việc ứng dụng các hệ thống thông tin của tỉnh nhằm phục vụ tốt công tác cải cách hành chính, phát triển theo mô hình chính quyền điện tử.

- Bên cạnh phát triển ki-ốt tra cứu thông tin tại bộ phận một cửa, UBND tỉnh xây dựng thêm các kênh thông tin nhằm hỗ trợ công tác tra cứu thông tin liên quan về thủ tục hành chính, thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh, tăng cường kênh giao tiếp giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp.

- Rà soát, cung cấp chứng thư số cho các đơn vị, cá nhân là lãnh đạo cơ quan nhà nước trong tỉnh nhằm chứng thực văn bản điện tử, đảm bảo quản lý và sử dụng theo đúng quy định của Ban Cơ yếu Chính phủ.

2. Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước

- Xây dựng hệ thống quản lý thông tin tổng thể, tiến tới xây dựng mô hình Chính quyền điện tử tại tỉnh; bảo đảm kết nối liên thông dữ liệu điện tử từ Chính phủ đến cấp tỉnh, huyện, xã.

- Tiếp tục triển khai, nâng cấp, bổ sung tiện ích và tích hợp vào các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh nhằm tăng cường hiệu quả trong quản lý điều hành, giảm thiểu sử dụng tài liệu, văn bản giấy không cần thiết.

- Duy trì hoạt động các cổng/trang thông tin điện tử nhằm cung cấp đầy đủ các thông tin cơ bản, cần thiết cho người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng các hệ thống thông tin và số hóa dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn, hỗ trợ công tác chỉ đạo điều hành và phục vụ khai thác tra cứu thông tin của người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường triển khai chữ ký số cho cá nhân lãnh đạo và các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, đảm bảo điều kiện ứng dụng chữ ký số liên thông văn bản điện tử, xác thực các tài liệu điện tử (trên cổng thông tin điện tử tỉnh, hệ thống phần mềm hợp không giấy,...), sử dụng chứng thư số và các dịch vụ chứng thực chữ ký số nhằm thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản trong hoạt động cơ quan nhà nước; tạo nên một môi trường làm việc điện tử hiện đại, minh bạch, giảm giấy tờ, tiết kiệm chi phí, thời gian.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu các chỉ tiêu thống kê kinh tế xã hội của tỉnh, cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết trên các lĩnh vực phục vụ công tác chỉ đạo điều hành; đáp ứng nhu cầu tìm kiếm thông tin của người dân, các tổ chức trong nước và ngoài nước. Cơ sở dữ liệu thống kê kinh tế xã hội sẽ từng bước làm cơ sở phục vụ công tác đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Nâng cấp, mở rộng cổng thông tin điện tử của tỉnh, cổng thông tin điện tử thành phần của các đơn vị, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến. Trong đó ưu tiên cung cấp các dịch vụ công mức độ 4 do Thủ tướng chính phủ đề xuất triển thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020 (*danh mục đính kèm tại Phụ lục 4*).

- Triển khai ứng dụng CNTT hiệu quả, toàn diện tại bộ phận một cửa, mở rộng triển khai hệ thống phần mềm một cửa điện tử cho tất cả các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đồng thời, phát triển mô hình “một cửa liên thông”, đảm bảo khả năng kết nối giữa các hệ thống thông tin tại bộ phận một cửa với cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp qua mạng Internet.

- Phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp; bảo đảm triển khai đồng bộ, kết nối khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia và các dữ liệu trong tỉnh nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm tăng cường phương thức giao tiếp thông tin giữa người dân và doanh nghiệp với cơ quan nhà nước thông qua các hệ thống phần mềm phục vụ xử lý thủ tục hành chính như một cửa điện tử, tiếp dân, hỏi đáp trực tuyến,...

4. Đảm bảo an toàn thông tin

- Triển khai các hệ thống phần mềm dùng chung và các phần mềm chuyên ngành tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, đảm bảo các yêu cầu về ổn định hệ thống, an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống, tạo thành hệ thống thông tin tập trung hỗ trợ công tác quản lý và quản trị các hệ thống.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống lưu trữ, hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin, hệ thống máy chủ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; Chuyển dần mô hình triển khai phân tán sang mô hình triển khai tập trung đối với các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai ứng dụng chữ ký số chứng thực văn bản điện tử khi luân chuyển trên môi trường mạng.

- Ban hành các quy định về vận hành và triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức thực hiện đồng bộ, đúng quy định đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn, an ninh thông tin trong các cơ quan nhà nước trong tỉnh; nghiên cứu đề xuất nhiều giải pháp tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hạ tầng và hệ thống thông tin triển khai trong tỉnh.

- Cử nhân sự chuyên trách CNTT tham gia các khóa đào tạo kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về an toàn thông tin;

- Thường xuyên tổ chức đào tạo kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về an toàn thông tin cho nhân sự chuyên trách CNTT và các lớp bồi dưỡng kiến thức về an toàn thông tin cho cán bộ quản lý trong các cơ quan nhà nước.

5. Phát triển nguồn nhân lực CNTT

- Bố trí nhân sự chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước.

- Bồi dưỡng CBCC về kỹ năng ứng dụng hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh, tập trung tập huấn kỹ năng hỗ trợ hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước thực hiện cải cách hành chính;

- Đào tạo chuyên sâu cho nhân sự chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, tăng cường năng lực cán bộ làm công tác an toàn, an ninh thông tin trong các cơ quan nhà nước.

- Học tập các tỉnh có nhiều kinh nghiệm triển khai và ứng dụng CNTT đạt hiệu quả; thực hiện đánh giá, chọn lọc triển khai ứng dụng trên địa bàn tỉnh.

V. Các giải pháp

1. Giải pháp tài chính

- Ban hành các chính sách để huy động các nguồn vốn đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT.

- Huy động các nguồn vốn xây dựng cơ bản, sự nghiệp khoa học công nghệ, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI), hợp tác quốc tế và huy động nguồn vốn của doanh nghiệp để thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển CNTT.

- Lồng ghép phát triển các nội dung liên quan đến lĩnh vực CNTT tại các nguồn vốn, Chương trình mục tiêu trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp triển khai

- Kết hợp chặt chẽ việc ứng dụng CNTT và cải cách hành chính trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh triển khai hình thức thuê hạ tầng, dịch vụ theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước nhằm đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh triển khai ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính. Tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có, tiếp tục đầu tư trang thiết bị CNTT phù hợp, đáp ứng triển khai các nội dung ứng dụng CNTT thật hiệu quả, tránh đầu tư chồng chéo.

- Triển khai các hệ thống thông tin phải đáp ứng được các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, đáp ứng yêu cầu liên thông với các cấp, các ngành, tích hợp dữ liệu về Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh và tương thích với các hệ thống đã triển khai.

3. Giải pháp tổ chức

- Kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý ứng dụng CNTT cấp tỉnh đến cấp huyện; Chú trọng củng cố Ban chỉ đạo về ứng dụng CNTT tỉnh. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn, là thường trực tham mưu, hướng dẫn thực hiện triển khai các ứng dụng CNTT trong tỉnh.

- Văn phòng UBND-HĐND cấp huyện là đơn vị chủ trì thực hiện công tác triển khai ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính tại địa phương.

- Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện/thành phố phải bố trí ít nhất một nhân sự chuyên trách triển khai ứng dụng CNTT tại đơn vị. Các UBND huyện/thành phố phải chú trọng quan tâm đến công tác an toàn, an ninh thông tin và vận hành có hiệu quả hệ thống một cửa điện tử được triển khai.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị là người gương mẫu, đi đầu trong việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành; Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo ứng dụng triệt để, hiệu quả.

- Đưa kết quả ứng dụng CNTT vào đánh giá cán bộ công chức của đơn vị.

4. Giải pháp môi trường chính sách

- Cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật về CNTT của nhà nước, từ đó cụ thể hóa thành văn bản chỉ đạo điều hành nhằm phát triển ứng dụng CNTT phù hợp tình hình địa phương.
- Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước.
- Xây dựng quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử.
- Xây dựng quy định về Kiến trúc Chính quyền điện tử tại tỉnh.
- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.
- Xây dựng các quy chế vận hành hoạt động và triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước để tổ chức thực hiện đúng với quy định.
- Xây dựng các chế độ, chính sách ưu đãi đối với đội ngũ chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh.
- Hoàn thiện các văn bản quy định về tài chính phù hợp với đặc thù quản lý ứng dụng CNTT.

5. Giải pháp nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực

- Nâng cao nhận thức, tầm quan trọng việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành tại các cơ quan nhà nước, từ đó tăng cường phát triển và đẩy mạnh ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước. Đôn đốc, nhắc nhở, thường xuyên rà soát, đánh giá ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước để có giải pháp điều chỉnh, thúc đẩy kịp thời.
- Tổ chức đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước hàng năm theo chỉ tiêu đánh giá của UBND tỉnh phê duyệt. Xem xét đưa tiêu chí triển khai, ứng dụng hiệu quả CNTT vào quản lý, điều hành vào các phong trào thi đua và bình xét khen thưởng.
- Tăng cường công tác truyền thông cho người dân và doanh nghiệp về các tiện ích CNTT sử dụng trong các cơ quan nhà nước trong tỉnh nhằm ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp.
- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo đội ngũ chuyên trách CNTT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ứng dụng và phát triển CNTT trong tình hình mới.

6. Học tập kinh nghiệm

- Triển khai các hoạt động tìm hiểu thực tế mô hình phát triển Chính quyền điện tử thành công, ứng dụng và phát triển dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng các hệ thống thông tin hiệu quả.
- Đánh giá kết quả học tập kinh nghiệm, lựa chọn mô hình, ứng dụng phù hợp phát triển tại tỉnh nhà.

VI. Kinh phí, lộ trình thực hiện

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở nhu cầu của địa phương và cân đối ngân sách Trung ương.
2. Ngân sách tỉnh đảm bảo chi các hạng mục, dự án, chi thường xuyên đảm bảo thực hiện các dự án CNTT thuộc phạm vi của tỉnh.
3. Từ các nguồn khác: nguồn vốn hỗ trợ của doanh nghiệp, vốn đầu tư nước ngoài.

(Đính kèm danh mục các dự án dự kiến triển khai trong giai đoạn 2016-2020 tại Phụ lục 5)

VII. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố

Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện/thành phố căn cứ Kế hoạch trên và tình hình thực tế của đơn vị, địa phương, hàng năm phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị, địa phương phù hợp với mục tiêu Quy hoạch, Kế hoạch chung của tỉnh.

Tổ chức sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin đã triển khai tại đơn vị.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này, định hướng chọn lựa triển khai phần mềm ứng dụng và đầu tư ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước nhằm đảm bảo tính liên thông tích hợp với các hệ thống đã triển khai, an toàn, an ninh thông tin. Hàng quý định kỳ báo cáo UBND tỉnh, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông và Chính phủ theo quy định.

Tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai, vận hành, sử dụng, ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính và xây dựng nông thôn mới.

Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án CNTT trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Phối hợp các ngành liên quan triển khai các nhiệm vụ trong Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Sở Tài chính

Chủ trì cân đối ngân sách đảm bảo kinh phí cho các dự án phát triển và ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh, phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng cơ chế chính sách để thực hiện việc ứng dụng và phát triển CNTT.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông bố trí kinh phí đầu tư hàng năm cho dự án phát triển CNTT của tỉnh.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính trên cơ sở phát triển ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý và điều hành của các cơ quan nhà nước.

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ CBCC các cấp trong tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ nội dung Kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện./.



Nguyễn Thanh Ngọc

Phụ lục 1

Văn bản chỉ đạo, điều hành về lĩnh vực CNTT giai đoạn 2011-2015

A. Văn bản quy phạm pháp luật

1. Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 26/20/2012 của UBND tỉnh ban hành quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Tây Ninh đến năm 2020.
2. Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 04/3/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý, sử dụng phần mềm hợp không giấy trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Tây Ninh.
3. Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh ban hành quy chế Quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Văn phòng điện tử (eOffice) liên thông trên bàn tỉnh Tây Ninh.
5. Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống một cửa điện tử trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
6. Quyết định số 61/2014/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 của UBND tỉnh ban hành quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
7. Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định chế độ nhuận bút, thù lao trên công/trang thông tin điện tử; Hệ thống bảng quang báo và tài liệu không kinh doanh.
8. Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin quản lý khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

B. Văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh

1. Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh năm 2011.
2. Công văn số 920/UBND-VXNV ngày 09/5/2011 của UBND tỉnh chỉ đạo triển khai đề án “đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT-TT” tại địa phương.
3. Công văn số 1165/UBND-VXNV ngày 03/6/2011 của UBND tỉnh trình ban hành Nghị quyết của Tỉnh ủy về tăng cường ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011-2020.

4. Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông” tại Tây Ninh.
5. Công văn số 1358/UBND-VXNV ngày 30/6/2011 của UBND tỉnh hướng dẫn xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2012.
6. Công văn số 1359/UBND-VXNV ngày 30/6/2011 của UBND tỉnh chỉ đạo cung cấp số liệu về mức độ sẵn sàng ứng dụng và phát triển CNTT-TT năm 2011.
7. Công văn số 1463/UBND-VXNV ngày 11/7/2011 của UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam.
8. Công văn số 1370/UBND-VXNV ngày 01/7/2011 của UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin cho cổng/trang thông tin điện tử.
9. Công văn số 1486/UBND-VXNV ngày 14/7/2011 của UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015.
10. Công văn số 2172/UBND-VXNV ngày 30/9/2011 của UBND tỉnh chỉ đạo cập nhật thông tin trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.
11. Công văn số 2453/UBND-VX ngày 28/10/2011 của UBND tỉnh chỉ đạo phối hợp thực hiện chương trình triển khai mô hình một cửa điện tử và hệ thống trao đổi trực tuyến.
12. Công văn số 264/UBND-VX ngày 15/02/2012 của UBND tỉnh chỉ đạo kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý công nghệ thông tin.
13. Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh năm 2012.
14. Công văn số 1762/UBND-VX ngày 20/8/2012 của UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường cập nhật và quản lý thông tin trên cổng thông tin điện tử.
15. Công văn số 1811/UBND-VX ngày 22/8/2012 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình phát triển công nghệ phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp và nội dung số Việt Nam tại tỉnh Tây Ninh.
16. Công văn số 2042/UBND-VX ngày 21/9/2012 của UBND tỉnh về việc đăng ký lộ trình thực hiện việc trao đổi hồ sơ điện tử.
17. Công văn số 2241/UBND-VX ngày 18/10/2012 của UBND tỉnh về việc chỉ đạo xây dựng bảng điểm, đánh giá, xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Nhà nước.
18. Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 13/11/2012 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT năm 2013 và giai đoạn 2013-2015.

19. Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 06/3/2013 của UBND tỉnh ban hành chế độ nhuận bút cho công/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh.

20. Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của UBND tỉnh ban hành lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên trang/Cổng thông tin điện tử của tỉnh Tây Ninh.

21. Công văn số 687/UBND-VX ngày 08/4/2013 của UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường cung cấp thông tin lên trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

22. Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh năm 2013.

23. Công văn số 896/UBND-KSTT ngày 06/5/2013 của UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện công văn số 1418/BNV-CCHC ngày 23/4/2013 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn tự đánh giá chấm điểm để xác định chỉ số CCHC cấp tỉnh.

24. Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh quy định đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

25. Văn bản số 1924/UBND-VP ngày 21/8/2013 của UBND tỉnh chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm CCHC năm 2013.

26. Thông báo số 4035/TB-VP ngày 23/9/2013 của Văn phòng UBND tỉnh thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Trần Lưu Quang, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị sơ kết công tác triển khai hệ thống một cửa điện tử - giai đoạn 1.

27. Văn bản số 2242/UBND-VX ngày 25/9/2013 của UBND tỉnh chỉ đạo đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong việc sử dụng phần mềm hợp không giấy.

28. Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai chữ số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013-2015.

29. Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 11/4/2014 của UBND tỉnh về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

30. Công văn số 243/UBND-VX ngày 27/01/2014 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện ký chữ ký số trên địa bàn tỉnh.

31. Thông báo số 3980/TB-VP ngày 21/8/2014 của Văn phòng UBND tỉnh thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp sơ kết công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2014 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2014.

32. Công văn số 267/UBND-NC ngày 08/02/2014 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện hệ thống một cửa điện tử.

33. Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 03/3/2014 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh năm 2014.

34. Thông báo số 810/TB-VP ngày 13/02/2015 của Văn phòng UBND tỉnh thông báo kết luận của đồng chí Trần Lưu Quang, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Trưởng Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT tỉnh Tây Ninh về xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước năm 2015.

35. Công văn số 970/UBND-VX ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động cơ quan, tổ chức nhà nước.

36. Công văn số 1999/UBND-TTTH ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường sử dụng phần mềm văn phòng điện tử eOffice.

Phụ lục 2**Danh mục thủ tục hành chính đạt mức độ 3, 4 triển khai thực hiện tại tỉnh Tây Ninh**

STT	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện
I	Mức độ 3	
1	Cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh	UBND thành phố Tây Ninh
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	UBND thành phố Tây Ninh
3	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh	UBND thành phố Tây Ninh
4	Tạm ngưng kinh doanh hộ kinh doanh	UBND thành phố Tây Ninh
5	Ngừng kinh doanh hộ kinh doanh	UBND thành phố Tây Ninh
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch người từ đủ 14 tuổi trở lên	UBND thành phố Tây Ninh
7	Cấp bản sao hộ tịch từ bản gốc khai sinh	UBND thành phố Tây Ninh
8	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	UBND thành phố Tây Ninh
9	Xác định lại dân tộc	UBND thành phố Tây Ninh
10	Xác định lại giới tính	UBND thành phố Tây Ninh
11	Cấp bản sao hộ tịch từ bản gốc khai tử	UBND thành phố Tây Ninh
12	Cấp bản sao hộ tịch từ bản gốc kết hôn	UBND thành phố Tây Ninh
13	Cấp mới giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ	UBND thành phố Tây Ninh
14	Cấp mới giấy phép xây dựng tạm nhà ở riêng lẻ	UBND thành phố Tây Ninh
15	Điều chỉnh nội dung Giấy phép xây dựng	UBND thành phố Tây Ninh
16	Gia hạn giấy phép xây dựng	UBND thành phố Tây Ninh
17	Cấp phép di dời công trình nhà ở riêng lẻ	UBND thành phố Tây Ninh
18	Đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ	Sở Tài chính
19	Kê khai giá hàng hóa, dịch vụ	Sở Tài chính
20	Cấp mã số đơn vị (Cấp tỉnh)	Sở Tài chính
21	Cấp mã số đơn vị (Cấp huyện)	Sở Tài chính
22	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm	Sở Công thương
23	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (đối với trường hợp đăng ký lại)	Sở Công thương
24	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (đối với trường hợp đăng ký lần đầu)	Sở Công thương

25	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực khi thẻ hết hạn sử dụng	Sở Công thương
26	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực	Sở Công thương
27	Chấp thuận đề xuất dự án BOT, BTO của nhà đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
28	Thẩm định phê duyệt nội dung chương trình sử dụng vốn ODA	Sở Kế hoạch và Đầu tư
29	Cấp giấy phép xả nước thải	Sở Tài Nguyên và Môi trường
30	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ / ngày đêm.	Sở Tài Nguyên và Môi trường
31	Đăng ký biến động QSD, QSH tài sản gắn liền với đất (Chuyển nhượng, Cho thuê lại, Thừa kế. Tặng cho, Góp vốn)	Sở Tài Nguyên và Môi trường
32	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Sở Tài Nguyên và Môi trường
33	Cấp hoặc điều chỉnh sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Sở Tài Nguyên và Môi trường
34	Giao đất, cho thuê đất	Sở Tài Nguyên và Môi trường
35	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	Sở Xây dựng
36	Thủ tục thông báo việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm	Sở Lao động Thương binh và Xã hội
37	Thủ tục cấp phù hiệu, biển hiệu	Sở Giao thông Vận tải
38	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Sở Khoa học và Công nghệ
39	Thủ tục cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân	Sở Y tế
40	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
41	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
42	Thủ tục đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Sở Tư pháp
43	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	BQL Khu kinh tế tỉnh
II Mức độ 4		
1	Thủ tục thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đối với công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Thủ tục đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Thủ tục Đăng ký thay đổi vốn điều lệ đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở chính đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty TNHH MTV	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Thủ tục đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quyết định của Tòa án đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	Thủ tục đăng ký thông báo tạm ngưng hoạt động của Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư

10	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do mất, cháy... Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
11	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của Chi nhánh đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
12	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của Văn phòng đại diện đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
13	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của địa điểm kinh doanh đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
14	Thủ tục Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
15	Thủ tục đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
16	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
17	Thủ tục đăng ký vốn điều lệ đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
18	Thủ tục đăng ký thay đổi chủ sở hữu đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
19	Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở chính Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
20	Thủ tục đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
21	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo Quyết định của Tòa án đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
22	Thủ tục đăng ký thông báo tạm ngưng hoạt động của đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
23	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do mất, cháy ... đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
24	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của Chi nhánh đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
25	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của Văn phòng đại diện đối với Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
26	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của địa điểm kinh doanh của Công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
27	Thủ tục chia Công ty TNHH MTV thành một số công ty cùng loại	Sở Kế hoạch và Đầu tư
28	Thủ tục tách Công ty TNHH MTV để thành lập một số công ty cùng loại	Sở Kế hoạch và Đầu tư
29	Thủ tục sáp nhập các công ty trách nhiệm hữu hạn MTV	Sở Kế hoạch và Đầu tư
30	Hợp nhất các công ty TNHH MTV thành 1 công ty mới	Sở Kế hoạch và Đầu tư
31	Thủ tục chuyển đổi công ty TNHH 02 thành viên trở lên thành công ty TNHH 01 thành viên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
32	Thủ tục chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH MTV	Sở Kế hoạch và Đầu tư
33	Thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp thành công ty TNHH MTV	Sở Kế hoạch và Đầu tư
34	Chuyển đổi công ty Nhà nước thành công ty TNHH MTV	Sở Kế hoạch và Đầu tư
35	Thủ tục Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đối với công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
36	Thủ tục đăng ký thay đổi tên Doanh nghiệp đối với công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
37	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư

38	Thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ đối với công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
39	Thủ tục đăng ký giảm vốn điều lệ đối với công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
40	Thủ tục đăng ký thay đổi thành viên đối với công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
41	Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở chính đối với công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
42	Thủ tục đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh đối với công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
43	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quyết định của Tòa án đối với công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
44	Thủ tục đăng ký thông báo tạm ngưng hoạt động của công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
45	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do mất, cháy....đối với công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
46	Thủ tục chuyển đổi công ty TNHH MTV thành công ty TNHH 02 thành viên khi chủ sở hữu đã góp đủ vốn vào công ty	Sở Kế hoạch và Đầu tư
47	Thủ tục chia công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
48	Thủ tục tách công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
49	Thủ tục Sáp nhập các công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
50	Thủ tục Hợp nhất các công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
51	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của chi nhánh đối với công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
52	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của Văn phòng đại diện đối với công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
53	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của địa điểm kinh doanh đối với công ty	Sở Kế hoạch và Đầu tư
54	Thủ tục chuyển đổi Doanh nghiệp thành công ty TNHH 02 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
55	Thủ tục thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
56	Thủ tục đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
57	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
58	Thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
59	Thủ tục đăng ký giảm vốn điều lệ đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
60	Thủ tục đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
61	Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở chính doanh nghiệp đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
62	Thủ tục đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
63	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo Quyết định của Tòa án đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
64	Thủ tục đăng ký thông báo tạm ngưng kinh doanh đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
65	Thủ tục đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do mất, cháy,... đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
66	Thủ tục chuyển đổi công ty TNHH MTV thành công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư

67	Thủ tục chuyển đổi công ty TNHH 02 thành viên trở lên thành công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
68	Thủ tục Chia công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
69	Thủ tục Tách công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
70	Thủ tục sáp nhập công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
71	Thủ tục hợp nhất công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
72	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của Chi nhánh đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
73	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của Văn phòng đại diện đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
74	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của địa điểm kinh doanh đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
75	Thủ tục thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đối với Doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
76	Thủ tục đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
77	Thủ tục đăng ký tăng, giảm vốn đầu tư đối với Doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
78	Thủ tục bán doanh nghiệp tư nhân đối với Doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
79	Thủ tục cho thuê doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
80	Thủ tục đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh đối với Doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
81	Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở chính đối với Doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
82	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quyết định của Tòa án đối với Doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
83	Thủ tục đăng ký thông báo tạm ngưng kinh doanh đối với Doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
84	Thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do rách, cháy,... đối với Doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
85	Thủ tục thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đối với công ty hợp doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
86	Thủ tục đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp đối với công ty hợp doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
87	Thủ tục đăng ký tăng, giảm vốn điều lệ đối với công ty hợp doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
88	Thủ tục đăng ký thay đổi thành viên hợp doanh đối với công ty hợp doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
89	Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở chính đối với công ty hợp doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
90	Thủ tục đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh đối với công ty hợp doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
91	Thủ tục đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh đối với công ty hợp doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
92	Thủ tục thông báo tạm ngưng kinh doanh đối với công ty hợp doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
93	Thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do mất, cháy... đối với công ty hợp doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
94	Thủ tục đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của Chi nhánh đối với công ty hợp doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
95	Thủ tục Đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của văn phòng đại diện đối với công ty hợp doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
96	Thủ tục Đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký của địa điểm kinh doanh đối với công ty hợp doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
97	Thủ tục chấm dứt tồn tại của công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị Sáp nhập	Sở Kế hoạch và Đầu tư

98	Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH MTV đối với chủ sở hữu là cá nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
99	Thủ tục đăng ký thành lập Chi nhánh đối với công ty TNHH (chủ sở hữu cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
100	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với công ty TNHH MTV	Sở Kế hoạch và Đầu tư
101	Thủ tục đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh đối với đối với công ty TNHH (chủ sở hữu cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
102	Thủ tục đăng ký thành lập công ty TNHH MTV đối với chủ sở hữu là tổ chức	Sở Kế hoạch và Đầu tư
103	Thủ tục đăng ký thành lập Chi nhánh đối với công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
104	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
105	Thủ tục đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh đối với đối với công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
106	Thủ tục thành lập doanh nghiệp đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
107	Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
108	Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng đại diện đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
109	Thủ tục đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
110	Thủ tục đăng ký thành lập công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
111	Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
112	Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng đại diện đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
113	Thủ tục đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
114	Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
115	Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh đối với doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
116	Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng đại diện đối với doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
117	Thủ tục đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh đối với doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
118	Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với công ty hợp danh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
119	Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh đối với công ty hợp danh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
120	Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng đại diện đối với công ty hợp danh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
121	Thủ tục đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh đối với công ty hợp danh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
122	Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh đối với tổ chức khoa học công nghệ và doanh nghiệp khoa học công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư
123	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với tổ chức khoa học công nghệ và doanh nghiệp khoa học công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư
124	Thủ tục đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh đối với tổ chức khoa học công nghệ và doanh nghiệp khoa học công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư
125	Thủ tục đăng ký thành lập Tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí	Sở Kế hoạch và Đầu tư

126	Thủ tục Giải thể doanh nghiệp đối với công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
127	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là cá nhân)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
128	Thủ tục Giải thể doanh nghiệp đối với công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
129	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với công ty TNHH MTV (chủ sở hữu là tổ chức)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
130	Thủ tục giải thể doanh nghiệp đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
131	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
132	Thủ tục giải thể doanh nghiệp đối với công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
133	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư
134	Thủ tục giải thể doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
135	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh đối với Doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư
136	Thủ tục giải thể doanh nghiệp đối với công ty hợp danh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
137	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của công ty hợp danh	Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phụ lục 3
KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VỀ ỨNG DỤNG CNTT TỈNH TÂY NINH GIAI ĐOẠN 2011-2015

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Mục tiêu	Kinh phí thực hiện năm 2011		Kinh phí thực hiện năm 2012		Kinh phí thực hiện năm 2013		Kinh phí thực hiện năm 2014		Ước kinh phí thực hiện 2015		Tổng kinh phí theo hạng mục	
			Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác
	TỔNG CỘNG (A+B)		12.928,382	-	8.502,437	-	21.010,142	-	18.675,897	-	17.389,185	-	78.506,043	-
A	VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN		-	-	-	-	10.238,320	-	5.450,000	-	4.967,300	-	20.655,620	-
1	Xây dựng hệ thống một cửa điện tử cho các đơn vị cấp huyện	Nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, giảm khối lượng công việc thủ công, hạn chế tiêu cực từ cán bộ công chức trong thực thi công vụ					10.238,32						10.238,32	-
2	Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình cho các đơn vị trong tỉnh	Đảm bảo hệ thống phục vụ các cuộc họp trực tuyến theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ tại Chỉ thị 30/CT-TTg ngày 26/11/2012, tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi phí cho các cuộc họp tập trung							5.450				5.450,00	-
3	Xây dựng hệ thống một cửa điện tử cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Sở Công thương										1.600		1.600,00	-
4	Triển khai toàn diện đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đến năm 2020	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh									1.353		1.352,90	-
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý ngành y tế Tây Ninh	Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và điều hành của ngành y tế									2.014		2.014,40	-
B	VỐN SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		12.928,382	-	8.502,437	-	10.771,822	-	13.225,897	-	12.421,885	-	57.850,423	-

TT	Nội dung	Mục tiêu	Kinh phí thực hiện năm 2011		Kinh phí thực hiện năm 2012		Kinh phí thực hiện năm 2013		Kinh phí thực hiện năm 2014		Ước kinh phí thực hiện 2015		Tổng kinh phí theo hạng mục	
			Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác
I	HỆ THỐNG THÔNG TIN		4.670	-	1.230	-	4.695	-	6.103	-	4.584	-	21.282,49	-
1	Hệ thống thông tin dùng chung		4.189	-	1.180	-	3.743	-	5.917	-	3.954	-	18.984,03	-
1,1	Phần mềm quản lý hộ tịch	Quản lý toàn bộ thông tin hồ sơ hộ tịch của từng công dân trên địa bàn; đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ quản lý hộ tịch theo quy định của nhà nước	580,15						1.047,8		504		2.131,95	-
1,2	Phần mềm văn phòng điện tử	Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động cơ quan Nhà nước	609,44		930		2.766,295		1.789,2		600		6.694,94	-
1,3	Phần mềm một cửa điện tử	Nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, giảm khối lượng công việc thủ công, hạn chế tiêu cực từ cán bộ công chức trong thực thi công vụ	1.770,39						1.376,097		1.531,51		4.678,00	-
1,4	Phần mềm hợp không giấy	Mở rộng các tính năng tiện ích (SMS, đăng ký phát biểu) nhằm phát triển phần mềm đồng thời triển khai phần mềm hợp không giấy cho các đơn vị trong tỉnh	49		60		170		100		30		409,00	-
1,5	Phần mềm quản lý khiếu nại tố cáo (tiếp dân)	Quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo đồng thời hỗ trợ thông tin phục vụ công tác tiếp công dân trên địa bàn tỉnh	190		190		380		485				1.245,00	-

TT	Nội dung	Mục tiêu	Kinh phí thực hiện năm 2011		Kinh phí thực hiện năm 2012		Kinh phí thực hiện năm 2013		Kinh phí thực hiện năm 2014		Ước kinh phí thực hiện 2015		Tổng kinh phí theo hạng mục	
			Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác
1.6	Cổng thông tin điện tử tỉnh	Nâng cấp công, bổ sung bản quyền phần mềm Sharepoint nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của Cổng TTĐT, cung cấp kịp thời thông tin chỉ đạo và điều hành của lãnh đạo tỉnh, phục vụ thông tin cần thiết cho người dân và doanh nghiệp					90		299		999.684		1,388.68	-
1.7	Cổng thông tin điện tử thành phần cho các đơn vị	cấp kịp thời thông tin thông tin của ngành nhằm phục vụ cho người dân và doanh nghiệp	450										450.00	-
1.8	Thu điện tử công vụ Tây Ninh	Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động cơ quan Nhà nước	540								239.27		779.27	-
1.9	Chữ ký số	Chứng thực văn bản điện tử, tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động cơ quan Nhà nước					56.118		137.275		50		243.39	-
1.10	Dịch vụ công mức độ 3	Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, góp phần làm giảm áp lực giấy tờ công việc lên chính các cơ quan quản lý nhà nước					280.8		683				963.80	-
2	Hệ thống thông tin chuyên ngành		481	-	50	-	952	-	186	-	630	-	2,298.46	-
2.1	Phần mềm quản lý tôn giáo + thiết bị		148.4										148.40	-
2.2	Hệ thống dữ liệu phục vụ công tác xây dựng kế hoạch CNTT & TT		50										50.00	-
2.3	Xây dựng sàn thương mại điện tử		200										200.00	-

TT	Nội dung	Mục tiêu	Kinh phí thực hiện năm 2011		Kinh phí thực hiện năm 2012		Kinh phí thực hiện năm 2013		Kinh phí thực hiện năm 2014		Ước kinh phí thực hiện năm 2015		Tổng kinh phí theo hạng mục	
			Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác
2.4	Tư vấn lập đơn giá Buu chính, Viễn thông	Phục vụ quản lý điều hành chuyên ngành	82.176										82.18	
2.5	Phần mềm quản lý sao lưu và phục hồi dữ liệu Trung tâm THDL						249.983						249.98	
2.6	Phần mềm chuyên ngành tài chính						321.7						321.70	
2.7	Liên thông dữ liệu số hóa hộ khẩu; hộ tịch; dân cư						380.5				95		475.50	
2.8	Phần mềm khai thác CSDL dân cư								185.7				185.70	
2.9	Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội										485		485.00	
2.10	Phần mềm thống kê số liệu hệ thống thông tin dùng chung										50		50.00	
2.1	Phần mềm quản lý trạm BTS trên nền GIS				50									
II	HẠ TẦNG KỸ THUẬT		7,128	-	5,596	-	4,020	-	4,694	-	5,472	-	26,909.18	-
1	Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh		5,555	-	4,456	-	2,634	-	3,167	-	2,426	-	18,237.97	-
1.1	Trang thiết bị, hệ thống an ninh thông tin và dịch vụ cơ bản cho Trung tâm THDL	Nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thông tin dùng chung; Tăng cường an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh	2,631.08		3,955.59		2,399.379		2,997.200		2,395.980		14,379.23	
1.2	Mở rộng chức năng hệ thống trao đổi trực tuyến (giai đoạn 2 đề tài KC 01.14/06-10)	Kênh hỏi đáp trực tuyến giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp	2,847.779								30		2,877.78	
1.3	Di dời hệ thống mạng chuyên dụng, thuê vị trí lắp đặt thiết bị cho TTTHDL	Nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thông tin dùng chung	76.567										76.57	
1.4	Thiết bị phục vụ Hội nghị truyền hình	Hỗ trợ các cuộc họp trực tuyến giữa các điểm cầu truyền hình trên địa bàn tỉnh			500		235		169.4				904.40	

TT	Nội dung	Mục tiêu	Kinh phí thực hiện năm 2011		Kinh phí thực hiện năm 2012		Kinh phí thực hiện năm 2013		Kinh phí thực hiện năm 2014		Ước kinh phí thực hiện 2015		Tổng kinh phí theo hạng mục	
			Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác
2	Các đơn vị trong tỉnh		1,572	-	1,140	-	1,385	-	1,528	-	3,046	-	8,671.20	-
2.1	Trang thiết bị phục vụ tin học hoá cải cách hành chính đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện	Đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT trong công tác cải cách hành chính tại cơ quan nhà nước trong tỉnh	1,572		1,140		1,385.275		1,127.998		398.7		5,624.34	-
2.2	Trang thiết bị phục vụ tin học hoá cải cách hành chính đơn vị cấp xã								399.7		2,314.17		2,713.87	-
2.3	Hệ thống chống sét	Đảm bảo an toàn hệ thống thiết bị tại cơ quan nhà nước									332.998		333.00	-
III	ĐÀO TẠO		400	-	150	-	335	-	443	-	283	-	1,610.59	-
1	- Nâng cao năng lực lãnh đạo CNTT của Sở, ngành, huyện, thị; - Đào tạo quản trị mạng, an toàn an ninh thông tin cho cán bộ quản trị mạng; - Cài đặt, chuyển đổi sử dụng phần mềm mã nguồn mở tại tỉnh	Nâng cao kỹ năng quản trị, vận hành các hệ thống CNTT nhằm hỗ trợ kỹ thuật cho CBCC ứng dụng các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh, phát triển nâng cao trình độ CNTT nhằm đáp ứng nhu cầu an toàn an ninh thông tin trong tình hình mới	400										400.00	-
2	CB chuyên trách nâng cao năng lực lãnh đạo CNTT						335.140						335.14	-
3	Nâng cao nhận thức an toàn, bảo mật; kỹ năng UDCNTT của CBCC				150				232.25		282.53		664.78	-
4	Nâng cao quản trị Trung tâm THDL								144.76				144.76	-
5	Triển khai phần mềm mã nguồn mở								65.915				65.92	-
IV	HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN		731	-	1,527	-	1,722	-	1,986	-	2,083	-	8,048.16	-

TT	Nội dung	Mục tiêu	Kinh phí thực hiện năm 2011		Kinh phí thực hiện năm 2012		Kinh phí thực hiện năm 2013		Kinh phí thực hiện năm 2014		Ước kinh phí thực hiện 2015		Tổng kinh phí theo hạng mục	
			Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác
1	Hoạt động của BCD, hội nghị, hội thảo	Hoạt động thường xuyên của BCD CNTT nhằm chỉ đạo điều hành UD CNTT trên địa bàn tỉnh	109.435		156.847		101.216		77.550		105		550.05	
2	Hội thi tin học	Duy trì hoạt động hội thi, phát triển tài năng CNTT	123.52		100		86.733		131.655		105.05		546.96	
3	Hoạt động thường xuyên Công, Công thành phần, Trung tâm tích hợp dữ liệu	Duy trì hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN trên địa bàn tỉnh	338.410		400		432.643						1,171.05	
4	Bảo trì, bảo dưỡng Trung tâm THDL	Duy trì hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN trên địa bàn tỉnh	88.928		150		99.556		295.429		200		833.91	
5	Duy trì hoạt động quang báo + đường truyền leaseline và FTTH	Duy trì hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN trên địa bàn tỉnh	56.171						318.03		607.989		982.19	
6	Kinh phí quản lý đề tài KC 01.14	Duy trì hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN trên địa bàn tỉnh	14.6		100		200						314.60	
7	Duy trì đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng	Duy trì hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN trên địa bàn tỉnh			500		432.679		357.941		366.477		1,657.10	
8	Nhuận bút Công thông tin điện tử (công chính và công thành phần)	Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời trên Cổng TTĐT					256.606		425.345		550		1,231.95	
9	Đánh giá hệ thống bảo mật Trung tâm THDL	Rà soát, phát hiện nhằm kịp thời sửa chữa các lỗ hổng trên hệ thống mạng của TTTHDL tỉnh							99				99.00	
10	Thuê đất chỗ Trung tâm THDL (tại VNPT)	Duy trì hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN trên địa bàn tỉnh			120		112.2		112.2		148.50		492.90	

TT	Nội dung	Mục tiêu	Kinh phí thực hiện năm 2011		Kinh phí thực hiện năm 2012		Kinh phí thực hiện năm 2013		Kinh phí thực hiện năm 2014		Ước kinh phí thực hiện 2015		Tổng kinh phí theo hạng mục	
			Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác
11	Truyền thông công tác UDCNTT phục vụ CCHC	Tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công trên địa bàn tỉnh							137.91				137.91	-
12	Hoạt động sản thương mại điện tử	Duy trì hoạt động sản TMDT							30.541				30.54	-

Phụ lục 4

DỊCH VỤ CÔNG ƯU TIÊN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, 4

I. Cấp tỉnh

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1	Cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
2	Cấp phép văn phòng đại diện
3	Đăng ký giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu
4	Đăng ký giấy phép kinh doanh buôn bán các sản phẩm rượu
5	Cấp phép kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá
6	Cấp chứng chỉ hành nghề cho kỹ sư, kiến trúc sư
7	Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình
8	Định giá, môi giới bất động sản
9	Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng
10	Cấp giấy phép xây dựng
11	Cấp phép quy hoạch xây dựng
12	Cấp phép bur chính
13	Cấp chứng chỉ nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
14	Cấp chứng nhận hành nghề kinh doanh thuốc thú y
15	Cấp chứng nhận hoạt động tàu cá
16	Giấy phép khai thác thủy sản
17	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau quả, an toàn
18	Cấp phiếu lý lịch tư pháp
19	Đăng ký văn phòng giao dịch tổ chức hành nghề luật sư

20	Đăng ký hành nghề luật sư
21	Khai sinh có yếu tố nước ngoài
22	Giám hộ có yếu tố nước ngoài
23	Cấp, đổi giấy phép lái xe
24	Cấp phù hiệu xe tuyến cố định và sổ nhật trình chạy xe
25	Cấp, đổi giấy phép kinh doanh vận tải
26	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
27	Cấp giấy chứng nhận đầu tư
28	Cấp phép lao động cho người nước ngoài
29	Cấp giấy chứng nhận hoạt động Tổ chức khoa học và công nghệ
30	Cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề y tế tư nhân
31	Cấp chứng chỉ hành nghề dược
32	Cấp giấy chứng nhận kinh doanh thuốc
33	Cấp hộ chiếu công vụ, ngoại giao
34	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
35	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất
36	Tặng, thừa kế, thế chấp, giao, cho thuê quyền sử dụng đất
37	Cấp phép lĩnh vực tài nguyên nước
38	Cấp phép khoáng sản
39	Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp
40	Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo

II. Cấp huyện

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1	Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh
2	Đăng ký kinh doanh hợp tác xã
3	Đăng ký kinh doanh bia rượu thuốc lá
4	Cấp phép vệ sinh an toàn thực phẩm
5	Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ
6	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất
7	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
8	Cấp giấy phép các hoạt động sử dụng vỉa hè, lề đường

III. Cấp phường/xã

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1	Khai sinh
2	Kết hôn
3	Đăng ký việc giám hộ
4	Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ
5	Đăng ký thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập

Phụ lục 5
KẾ HOẠCH KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH CNTT TỈNH TÂY NINH
TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 -2020

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên dự án	Mục tiêu	Kinh phí		Thời gian thực hiện
			Địa phương	TW, Nguồn khác	
1	Ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN		107.860	-	
1,1	Văn phòng điện tử cấp xã	Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động cơ quan Nhà nước	10.000		2016-2020
1,2	Xây dựng hệ thống phần mềm văn phòng điện tử cho toàn tỉnh theo mô hình đám mây		18.200		2017-2018
1,3	Xây dựng hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công mức độ 3 cho toàn tỉnh và triển khai cho các sở ban ngành (giai đoạn 2: 10 sở, 49 xã)	Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, Nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, giảm khối lượng công việc thủ công, hạn chế tiêu cực từ cán bộ công chức trong thực thi công vụ	15.323		2015-2016
1,4	Xây dựng hệ thống một cửa điện tử hiện đại và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho các đơn vị cấp huyện theo mô hình tập trung		9.837		2016-2017
1,5	Hệ thống thông tin KTXH	Cung cấp thông tin tổng hợp kinh tế, xã hội trong tỉnh	3.000		2016-2020
1,6	Triển khai hệ thống chữ ký số, ứng dụng chứng thực chữ ký số trên hệ thống văn phòng điện tử	Chứng thực văn bản điện tử, tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động cơ quan Nhà nước	500		2016-2020
1,7	GIS hóa hệ thống quản lý đất đai của hệ thống một cửa điện tử	Nâng cấp hệ thống một cửa điện tử, nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công	50.000		2016-2020
1,8	Xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ hồ sơ hành chính tỉnh Tây Ninh đến năm 2020	Kéo dài tuổi thọ của tài liệu lưu trữ; Đồng nhất các loại hình tài liệu; Nâng cao hiệu quả công việc của hệ thống cơ quan nhà nước	1.000		2018-2019

STT	Tên dự án	Mục tiêu	Kinh phí		Thời gian thực hiện
			Địa phương	TW, Nguồn khác	
2	Ứng dụng CNTT chuyên ngành		126.000	-	
2,1	Xây dựng và triển khai thực hiện khung kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của CQNN, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp	10.000		
2,2	Nâng cấp các hệ thống dùng chung theo kiến trúc Chính phủ điện tử	Thực hiện CCHC bằng các ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước	20.000		2016-2020
2,3	Hệ thống thông tin quản lý bệnh viện	Phục vụ quản lý điều hành chuyên ngành	60.000		2016-2020
2,4	Hệ thống thông tin quản lý giáo dục	Phục vụ quản lý điều hành chuyên ngành	10.000		2016-2020
2,5	Hệ thống quản lý khiếu nại, tố cáo	Quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo đồng thời hỗ trợ thông tin phục vụ công tác tiếp công dân trên địa bàn tỉnh	1.000		2016-2020
2,6	Nâng cấp và mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình cho các đơn vị trong tỉnh phục vụ cải cách hành chính của tỉnh đến năm 2020	Hỗ trợ các cuộc họp trực tuyến của các cơ quan nhà nước trong tỉnh	15.000		2017-2020
2,7	ƯD CNTT chuyên ngành khác (phát sinh từ nhu cầu của các đơn vị)	Phục vụ quản lý điều hành chuyên ngành	10.000		2016-2020
3	Phát triển hạ tầng kỹ thuật		96.946	-	-
3,1	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đảm bảo yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 (giai đoạn 1)	Nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thông tin dùng chung; Tăng cường an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh	16.946		2015-2016
3,2	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đảm bảo yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 (giai đoạn 2)		5.000		2018-2019
3,3	Trang bị, nâng cấp hạ tầng thiết bị cho các đơn vị	Đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT trong công tác cải cách hành chính tại cơ quan nhà nước trong tỉnh	25.000		2016-2020

STT	Tên dự án	Mục tiêu	Kinh phí		Thời gian thực hiện
			Địa phương	TW, Nguồn khác	
3.4	Xây dựng hạ tầng mạng diện rộng của tỉnh (từ tỉnh xuống xã) đảm bảo an toàn thông tin phục vụ cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 (giai đoạn 1)	Đảm bảo an toàn thông tin phục vụ cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh đến năm 2020	20,000		2016-2017
3.5	Xây dựng hạ tầng mạng diện rộng của tỉnh (từ tỉnh xuống xã) đảm bảo an toàn thông tin phục vụ cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 (giai đoạn 2)		10,000		2018-2019
3.6	Nâng cấp và mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình cho các đơn vị trong tỉnh phục vụ cải cách hành chính của tỉnh đến năm 2020 (giai đoạn 1)	Đảm bảo duy trì, vận hành, đường truyền, trang thiết bị họp, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống, bảo mật trên đường truyền và an toàn đối với các cuộc họp trực tuyến tại UBND tỉnh và các điểm cầu trên địa bàn tỉnh.	10,000		2016-2017
3.7	Nâng cấp và mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình cho các đơn vị trong tỉnh phục vụ cải cách hành chính của tỉnh đến năm 2020 (giai đoạn 2)		5,000		2018-2019
3.8	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng thành phần	Nâng cấp cổng, bổ sung bản quyền phần mềm Sharepoint nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của Cổng TTĐT, cung cấp kịp thời thông tin chỉ đạo và điều hành của lãnh đạo tỉnh, phục vụ thông tin cần thiết cho người dân và doanh nghiệp	5,000		2016-2020

STT	Tên dự án	Mục tiêu	Kinh phí		Thời gian thực hiện
			Địa phương	TW, Nguồn khác	
4	Đào tạo	Nâng cao kỹ năng quản trị, vận hành các hệ thống CNTT nhằm hỗ trợ kỹ thuật cho CBCC ứng dụng các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh, phát triển nâng cao trình độ CNTT nhằm đáp ứng nhu cầu an toàn an ninh thông tin trong tình hình mới. Đào tạo, tập huấn kỹ năng ứng dụng CNTT đảm bảo thực hiện chính phủ điện tử tại tỉnh	2,000	-	2016-2020
5	Đảm bảo an toàn an ninh thông tin		7,000	-	
5.1	Tuyên truyền phổ biến và nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin tỉnh Tây Ninh đến năm 2020	Tăng cường công tác bảo mật, an toàn an ninh thông tin	5,000		2017-2018
5.2	Đánh giá an toàn thông tin cho hạ tầng và hệ thống thông tin tỉnh Tây Ninh triển khai đến năm 2019		2,000		2018-2019
6	Hoạt động thường xuyên		10,000	-	
6.1	Chi phí đường truyền, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thông tin và thiết bị Trung tâm THDL tỉnh	Duy trì và đảm bảo hoạt động ổn định các ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN trên địa bàn tỉnh	10,000		2016-2020
(1+2+3+4+5+6)			349,806	-	
Tổng cộng				349,806	